

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/HS-ST  
Ngày 27 tháng 11 năm 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hà

*Thẩm phán:* Bà Lương Hải Yến

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Tạ Nhật Tân

Bà Phùng Thị Thanh Mai

Bà Hoàng Thị Len

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Tiến Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:***

Ông Vũ Đại Dương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2020 đối với:

1. ***Bị cáo:*** Trần Ngọc T, sinh năm 1975 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; giới tính: nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Trần Ngọc M (ông M được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba) và bà Nguyễn Thị C; vợ Trần Thị T, sinh năm 1995 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Từ năm 1995 – 1996, tham gia nghĩa vụ quân sự, đóng quân tại tỉnh Ninh Bình. Bản án số 97/HSST ngày 06/12/1996, Tòa án nhân dân thị xã Thái Bình xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36

tháng kể từ ngày 06/12/1996 về tội “Trộm cắp tài sản công dân”; ngày 15/4/1998, bị Công an huyện Hưng Hà xử phạt hành chính với hình thức cảnh cáo về hành vi đánh bạc; ngày 13/8/2011, bị Công an tỉnh Thái Bình xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc. Sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn, bị truy nã đến ngày 29/4/2020 bị cáo ra đầu thú. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/4/2020 đến ngày 09/5/2020 chuyển tạm giam. Có mặt.

*2. Người bào chữa cho bị cáo:*

Luật sư Phạm Văn Hoàng – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Thái Bình, Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình, Luật sư do Tòa án chỉ định. Có mặt.

*3. Bị hại:*

3.1. Anh Khiếu Văn K, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số nhà 294, tổ 20, đường L, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

3.2. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số nhà 04/153, phố L, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

3.3. Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Phòng 613, tòa nhà F – 36, P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

*4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

4.1. Anh Nguyễn Trọng C, sinh năm 1976; nơi cư trú: Khu 6, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

4.2. Anh Phạm Văn N, sinh năm 1982; nơi cư trú: Khu T, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do không có tiền chi tiêu cá nhân, lợi dụng sự quen biết với một số cửa hàng, Công ty cho thuê xe ô tô tự lái nên Trần Ngọc T nảy sinh ý định thuê xe ô tô đem đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. Từ ngày 04/10/2012 đến ngày 18/10/2012, Trần Ngọc T đã 04 lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản, các lần cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 18 giờ ngày 04/10/2012, Trần Ngọc T đến Công ty trách nhiệm hữu hạn (viết tắt là TNHH) thương mại dịch vụ T do chị Đỗ Thị H là Giám đốc, gặp anh Nguyễn Quốc V là nhân viên Công ty thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Gentra, biển kiểm soát 17K – 9293 (là xe của anh Đoàn Ngọc K, sinh năm

1983, trú tại thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình đưa vào Công ty để cho thuê), thời hạn thuê từ 18 giờ ngày 04/10/2012 đến 18 giờ ngày 14/10/2012, giá thuê xe là 550.000 đồng/ngày, bị cáo T đặt cọc trước tiền thuê xe 10.000.000 đồng. Sau khi thuê được xe, bị cáo lái xe đến nhà anh Phạm Văn N nói dối là xe của bạn để cầm cố xe ô tô lấy 120.000.000 đồng chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ hai: Khoảng 08 giờ ngày 09/10/2012, Trần Ngọc T nhờ anh Hoàng Kim C, sinh năm 1976, trú tại khu M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình đi xe mô tô nhãn hiệu Air Blade, biển kiểm soát 30H5 – 6358 chở bị cáo đến cửa hàng cho thuê ô tô, xe máy Q, do anh Khiếu Văn K làm chủ cửa hàng thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, biển kiểm soát 17A – 003.47 (xe của anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1981, trú tại thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình đưa vào cửa hàng để cho thuê), thời hạn thuê từ ngày 09/10/2012 đến ngày 13/10/2012, giá thuê xe là 500.000 đồng/ngày. Bị cáo đã mượn xe và 01 đăng ký xe mô tô biển số 30H5 – 003.47 của anh Hoàng Kim C để thế chấp cho anh K. Sau khi thuê được xe, bị cáo lái xe đến nhà anh Nguyễn Trọng C, nói dối là xe của mình để cầm cố xe ô tô lấy 90.000.000 đồng chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ ba: Khoảng 09 giờ ngày 10/10/2012, Trần Ngọc T đi xe mô tô biển số 17K4 – 1340 (xe bị cáo mượn của anh Đặng Văn T, sinh năm 1976, trú tại xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình) đến Công ty TNHH thương mại dịch vụ T, gặp anh Nguyễn Quốc V là nhân viên Công ty thuê 01 xe ô tô, nhãn hiệu Kia Morning, biển kiểm soát 17L – 1029 (xe của Công ty TNHH L do anh Nguyễn Văn H là Giám đốc đưa vào Công ty T để cho thuê), thời hạn thuê từ 09 giờ ngày 10/10/2012 đến 19 giờ ngày 10/10/2012, giá thuê xe là 500.000 đồng/ngày. Bị cáo để lại Công ty 01 xe mô tô và Đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 17K4 – 1340 mang tên Trần Thị N, trú tại xóm 10, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình. Sau khi thuê được xe, bị cáo lái xe đến nhà anh Phạm Văn N cầm cố xe ô tô lấy 130.000.000 đồng chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ 4: Khoảng 20 giờ ngày 18/10/2012, Trần Ngọc T nhờ anh Hoàng Kim C chở đến Công ty TNHH thương mại dịch vụ H, địa chỉ số nhà 128, ngõ 1, đường N, phường T, thành phố T, do chị Nguyễn Thị L làm Giám đốc gặp anh Nguyễn Văn H (con trai chị L) thuê 01 xe ô tô, nhãn hiệu Toyota Vios, biển kiểm soát 17K – 9135, thời hạn thuê 10 ngày, giá thuê xe 500.000 đồng/ ngày. Đến sáng hôm sau, ngày 19/10/2012, bị cáo lái xe ô tô đến cầm cố cho anh Nguyễn

Trọng C lấy số tiền 120.000.000 đồng chi tiêu cá nhân hết.

Tại biên bản định giá số 18/HĐ ĐG-CAT ngày 26/11/2012 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Bình kết luận: *“01 xe ô tô con 05 chỗ, màu sơn đen, nhãn hiệu Toyota – Vios Limo, sản xuất năm 2005, biển kiểm soát 17A – 003.47, đã qua sử dụng, trị giá 230.000.000 đồng”*.

Biên bản định giá số 19/HĐ ĐG-CAT ngày 26/11/2012 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Bình kết luận: *“01 xe ô tô con 05 chỗ, nhãn hiệu Kia Morning, sản xuất năm 2010, biển kiểm soát 17L – 1029, đã qua sử dụng, trị giá 250.000.000 đồng; 01 xe ô tô con 05 chỗ, màu sơn đen, nhãn hiệu Gentra - Daewoo, sản xuất năm 2009, biển kiểm soát 17K – 9293, đã qua sử dụng, trị giá 280.000.000 đồng”*.

Biên bản định giá số 20/HĐ ĐG-CAT ngày 30/11/2012 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Bình kết luận: *“01 xe ô tô con 05 chỗ, màu sơn đen, nhãn hiệu Toyota – Vios, sản xuất năm 2009, biển kiểm soát 17A – 9135, đã qua sử dụng, trị giá 330.000.000 đồng”*.

Bị hại là chị Đỗ Thị H khai: Bị cáo T thường xuyên thuê xe ô tô tại công ty của chị, trả tiền thuê xe và trả xe đầy đủ, đúng hạn nên chị tin tưởng bị cáo. Do đó, trong hai ngày 04/10/2012 và ngày 10/10/2012, chị đã cho bị cáo T thuê 02 chiếc xe ô tô nhưng khi hết thời gian thuê xe thì bị cáo T không trả xe cho chị và sau đó chị H biết bị cáo T đã cầm cố 02 chiếc xe của chị để lấy tiền tiêu xài. 02 chiếc xe ô tô mà Trần Ngọc T đã chiếm đoạt của chị đã được cơ quan điều tra thu hồi và trả lại cho chị nên chưa xảy ra thiệt hại gì, chị H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền gì cho chị, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Bị hại là chị Nguyễn Thị L khai: Bị cáo T là chỗ quen biết của chị nên chị tin tưởng bị cáo. Do đó, ngày 18/10/2012, chị đã cho bị cáo T thuê 01 chiếc xe ô tô nhưng khi hết thời gian thuê xe thì bị cáo T không trả xe cho chị và sau đó chị L biết bị cáo T đã cầm cố chiếc xe này của chị để lấy tiền tiêu xài. Chiếc xe ô tô mà Trần Ngọc T đã chiếm đoạt của chị đã được cơ quan điều tra thu hồi và trả lại cho chị nên chưa xảy ra thiệt hại gì, chị L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền gì cho chị, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Bị hại anh Khiếu Văn K khai: Anh K có mối quan hệ quen biết với bị cáo T nên ngày 09/10/2012, anh K đã cho bị cáo T thuê 01 chiếc xe ô tô nhưng khi

hết thời gian thuê xe thì bị cáo T không trả xe cho anh và sau đó anh K biết bị cáo T đã cầm cố chiếc xe của anh để lấy tiền tiêu xài. Chiếc xe ô tô mà Trần Ngọc T đã chiếm đoạt của anh đã được cơ quan điều tra thu hồi và trả lại cho anh nên chưa xảy ra thiệt hại gì, anh K không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền gì, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Bản Cáo trạng số 53/KSĐT ngày 22/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Trần Ngọc T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Ngọc T khai nhận: do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã lợi dụng việc quen biết với một số cửa hàng, Công ty cho thuê xe ô tô tự lái, bị cáo đã dùng thủ đoạn thuê 04 xe ô tô: trong đó thuê 02 xe của Công ty TNHH thương mại dịch vụ T, 01 xe của Công ty TNHH thương mại dịch vụ H và 01 xe tại cửa hàng của anh Khiếu Văn K, sau đó đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại theo định giá tài sản là 1.090.000.000 đồng. Sau khi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn, bị cơ quan có thẩm quyền truy nã. Trong thời gian bỏ trốn, bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đồng thời được gia đình động viên nên bị cáo đã ra đầu thú, khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình và khắc phục hậu quả do bị cáo đã gây ra cho bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- \* Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- \* Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T từ 12 – 13 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 30/4/2020. Do bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- \* Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận bồi thường, khắc phục hậu quả xong nên không đặt ra giải quyết.

- \* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Luật sư không có ý kiến tranh luận gì về tội

danh đối với bị cáo mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Thứ nhất, áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại” vì toàn bộ những tài sản do bị cáo chiếm đoạt đã được trả lại nguyên vẹn cho bị hại và bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại; thứ hai, không áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự bởi giá trị tài sản trong từng lần bị cáo chiếm đoạt chưa đến 500.000.000 đồng, cộng tất cả các lần vào thì bị cáo mới bị truy tố theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự nên căn cứ vào Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao thì không thể áp dụng tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” nữa, vì các tình tiết đã được quy định là định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng. Từ các căn cứ, phân tích nêu trên, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về việc bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, để bị cáo yên tâm cải tạo, trở thành công dân có ích cho gia đình, cho xã hội.

Bị cáo Trần Ngọc T hoàn toàn nhất trí với lời bào chữa của luật sư, không tranh luận bổ sung gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, không đồng ý với quan điểm của Luật sư.

Bị cáo Trần Ngọc T nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không khiếu nại đối với hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Bị cáo Trần Ngọc T lợi dụng sự tin tưởng của những bị hại nên đã dùng thủ đoạn thuê xe của bị hại để đi lại nhưng

lại nhằm mục đích mang xe đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài và hết thời hạn thuê xe không trả lại xe cho bị hại. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của những bị hại theo định giá tài sản là 1.090.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn cố ý phạm tội. Điều 174 Bộ luật hình sự quy định: *“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm... 4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân: a, Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên...”*. Như vậy, bị cáo chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng giá trị tài sản là 1.090.000.000 đồng, nên hành vi của bị cáo Trần Ngọc T đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo 04 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mỗi lần đều cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội hai lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Ngọc T khai báo thành khẩn, gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đã tự ra đầu thú, có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự và bố bị cáo là người có công với cách mạng nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của những bị hại, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và 04 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và quan trọng hơn là đối với vụ án liên quan đến xâm phạm sở hữu đã khắc phục

được toàn bộ hậu quả, thiệt hại do bị cáo gây ra cho bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do vậy, chỉ cần xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt để bị cáo sớm có cơ hội tự cải tạo, rèn luyện bản thân, trở thành người có ích cho xã hội và cũng là để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với những người biết ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho anh Khiếu Văn K 01 xe ô tô biển kiểm soát 17A – 003.47, 01 đăng ký xe ô tô; trả lại chị Nguyễn Thị L 01 xe ô tô biển kiểm soát 17K – 9135, 01 đăng ký xe ô tô; trả lại chị Đỗ Thị H 01 xe ô tô biển kiểm soát 17L – 1029, 01 sổ chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật xe ô tô và 01 xe ô tô biển kiểm soát 17K - 9293, 02 giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô. Gia đình bị cáo đã thỏa thuận và tự nguyện bồi thường cho anh Phạm Văn N 250.000.000 đồng và anh Nguyễn Trọng C 210.000.000 đồng. Những bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại đủ tiền, tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại khoản nào khác nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án: 01 chiếc xe mô tô, biển kiểm soát số 17K4 – 1340; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị N đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Đặng Văn T (do chị Phạm Thị T – sinh năm 1980, vợ anh T nhận thay) nên không đặt ra giải quyết. Đối với chiếc xe mô tô biển số 30H5 – 6358 và 01 đăng ký xe mô tô số 016569 mang tên Tạ Văn D, bị cáo khai mượn của anh Hoàng Kim C, sinh năm 1976, trú tại khu M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Tuy nhiên, khi giám định thì xác định đăng ký xe mô tô là giả và chưa điều tra, xác định được nguồn gốc chiếc xe mô tô nên Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra xử lý sau là đúng pháp luật.

[7] Đối với anh Phạm Văn N và anh Nguyễn Trọng C là người đã nhận cầm cố những chiếc xe ô tô của bị cáo Trần Ngọc T nhưng không biết đây là tài sản do bị cáo T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh N, anh C là đúng pháp luật. Đối với anh Hoàng Kim C là người cho bị cáo T mượn xe mô tô 30H5 – 6358 cùng đăng ký xe và đi cùng T đến thuê xe của anh K, chị L nhưng anh C đã chết năm 2016 nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[8] Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/4/2020.
3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong tại giai đoạn điều tra nên không đặt ra giải quyết.
4. Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/11/2020. Bị hại anh Khiếu Văn K, chị Đỗ Thị H, chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

### Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình;
- UBND xã T, huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Thị Hà**

**THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Hà**